TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2017
V/v "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**
Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phạm Văn Tuân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 755/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2017 về việc ***"Không công nhận vợ chồng"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2017 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị T** - Sinh năm 1969
Địa chỉ: Tổ 7, phường H, thành phố T, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bảo T** - Sinh năm 1966
Địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hoà. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Bảo T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chúng tôi không hạnh phúc, tôi và ông T đã ly thân 6 năm nay. Nay tôi xin tuyên bố không công nhận là vợ chồng với ông T vì ông T đã có người phụ nữ khác.

Tôi và ông T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1 sinh ngày 10/02/1990 và Nguyễn Bảo T2 sinh ngày 08/9/1994. Hai con chung đều đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và trong quá trình xét xử, bị *đơn ông Nguyễn Bảo T trình bày:*

Tôi và bà Cao Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, đến nay chúng tôi vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi và bà T đã ly thân mạnh ai nấy sống 6 năm nay. Bà T xin công nhận không phải là vợ chồng, tôi đồng ý.

Tôi và bà T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1 sinh ngày 10/02/1990 và Nguyễn Bảo T2 sinh ngày 08/9/1994. Hai con chung đều đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha trang phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin không công nhận là vợ chồng với bị đơn Nguyễn Bảo T của nguyên đơn Cao Thị T do cả hai đã chung sống từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai con chung đều đã trên 18 tuổi. Về tài sản chung không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bảo T chung sống với nhau từ năm 1988 và đã có với nhau 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Bà T khởi kiện yêu cầu được giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông Nguyễn Bảo T, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

** Về nội dung vụ án:*

Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bảo T tự nguyện hung sống với nhau từ năm 1988 và đã có với nhau 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân không hợp pháp. Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T là không thể hàn gắn được. Vì vậy, hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bảo T.

- Về con chung: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bảo T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1 sinh ngày 10/02/1990 và Nguyễn Bảo T2 sinh ngày 08/9/1994. Cả 02 con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Cao Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bảo T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Cao Thị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007046 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Nha Trang, bà Thu đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. Nha Trang;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp. Nha Trang;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đào Dương Thị Phương Dung